

Tam Nông, ngày 09 tháng 01 năm 2025.

Số: 12 /2025/QĐST - DS

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hán Thanh Nhân

Bà Hà Thị Loan

- Căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024.
- Xét thấy: Tại phiên tòa Nguyên đơn anh Cù Việt D xin rút toàn bộ nội dung khởi kiện là hoàn toàn phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 4 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Anh Cù Việt D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu A, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương D1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 10, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

2.1. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2.2. Hoàn trả cho anh Cù Việt D số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí (Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003498 ngày 4/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ).

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định

hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Nông;
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THƠM

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng)

- Hoàn trả cho chị Lương Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0005675 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông;
- UBND phường Vân Cờ;
- Chi cục THADS thành phố Việt Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THƠM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TRÍCH LỤC QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2021:

Nguyên đơn: Anh Tạ Quý M, sinh năm 1979.

ĐKHKTT: Đội 4, xóm N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C), sinh năm 1978.

ĐKHKTT: Đội 4, xóm N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Tạ Thị T, sinh năm 1962

ĐKHKTT: Đội 4, xóm N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tạ Quý M, sinh năm 1979.

ĐKHKTT: Đội 4, xóm N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C), sinh năm 1978.

ĐKHKTT: Đội 4, xóm N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Tạ Thị T, sinh năm 1962

ĐKHKTT: Đội 4, xóm Nội, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tạ Quý M và chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C).

- **Về con chung:** Anh Tạ Quý M và chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Quang T1, sinh ngày 17/8/2006 và cháu Tạ Thúy N1, sinh ngày 23/10/2007.

Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Tạ Quang T1 cho anh Tạ Quý M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Tạ Thúy N1 cho chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình:** Anh Tạ Quý M và chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) thống nhất xác định vợ chồng không có, nên không đặt ra giải quyết.

- **Về nợ riêng:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bà Tạ Thị T thanh toán cho chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Hai bên sẽ thanh toán cho nhau vào ngày 12/01/2021.

- **Về công sức làm dâu:** Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) rút yêu cầu không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về án phí:** Nguyên đơn anh Tạ Quý M phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. (Xác nhận anh Tạ Quý M đã nộp số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0001280 ngày 6/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho anh Tạ Quý M số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng chị L phải chịu 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị T phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thơm

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Trì, ngày 05 tháng 01 năm 2021.

Số: **04/2021/QĐST - HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị T2**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lã Ngọc T3**.

2. Ông **Lê Văn H1**.

- Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 414/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Tạ Quý M**, sinh năm 1979.

ĐKHKT: **Đội 4, xóm N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.**

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L** (tức **Nguyễn Thị C**), sinh năm 1978.

ĐKHKT: **Đội 4, xóm N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.**

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Tạ Thị T**, sinh năm 1962

ĐKHKT: **Đội 4, xóm Nội, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Tạ Quý M** và chị **Nguyễn Thị L** (tức **Nguyễn Thị C**).

- **Về con chung:** Anh **Tạ Quý M** và chị **Nguyễn Thị L** (tức **Nguyễn Thị C**) thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu **Tạ Quang T1**, sinh ngày 17/8/2006 và cháu **Tạ Thúy N1**, sinh ngày 23/10/2007.

Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Tạ Quang T1 cho anh Tạ Quý M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Tạ Thúy N1 cho chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình:** Anh Tạ Quý M và chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) thống nhất xác định vợ chồng không có, nên không đặt ra giải quyết.

- **Về nợ riêng:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bà Tạ Thị T thanh toán cho chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Hai bên sẽ thanh toán cho nhau vào ngày 12/01/2021.

- **Về công sức làm dâu:** Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) rút yêu cầu không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét xét.

- **Về án phí:** Nguyên đơn anh Tạ Quý M phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. (Xác nhận anh Tạ Quý M đã nộp số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0001280 ngày 6/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho anh Tạ Quý M số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn chị Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị C) phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng chị L phải chịu 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị T phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

•

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐỖ CAO VÂN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
GIAO NHẬN TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ

Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 4 năm 2017

Tại: Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Người giao nộp tài liệu, chứng cứ: Chị Bùi Thị Thanh L1

Là: Nguyên đơn, trong vụ án về: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

Người nhận tài liệu, chứng cứ: Ông Đỗ Cao V

Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì

Đã tiến hành việc giao nhận tài liệu, chứng cứ sau đây:

1. Biên lai thu tiền tạm ứng án phí (bản chính)
2. Đơn khởi kiện
3. Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)
4. 02 Giấy khai sinh của con tên Bùi Mạnh Tuấn A (bản sao) và Bùi Thị Quỳnh C1 (pho to)
5. Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao)
6. Chứng minh nhân dân của chị L1 (bản sao)
7. Giấy khai sinh của chị L1 (bản sao)

Biên bản này được lập thành hai bản, một bản giao cho người giao nộp tài liệu, chứng cứ và một bản lưu hồ sơ vụ án.

NGƯỜI GIAO NỘP
TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ

NGƯỜI NHẬN
TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ
THẨM PHÁN

Đỗ Cao Vân

